

CÔNG TY CP VIMC LOGISTICS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08 /VLG-CBTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần VIMC Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) cả năm 2023, như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

- Mã chứng khoán: VLG

- Trụ sở chính: Tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 04-35772047/48

Fax: 04-35772046

- Email: info@vimclogistics.vn

Website: vimclogistics.com.vn

2. Nội dung Công bố thông tin:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có
Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có
Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có
Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có
Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có
Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có
Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có
Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/02/2024 tại đường dẫn: vimclogistics.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023,
- Văn bản giải trình



Vũ Thị Thanh Nhàn

SỐ: 26 /VLG-TCKT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2023
thay đổi từ 10% trở lên và chuyển từ lỗ sang
lãi so với báo cáo năm 2022

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

2- Mã chứng khoán: VLG

3- Trụ sở chính: Phòng 405, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

4- Điện thoại: 024-35772047/48

Fax: 024-35772046

5- Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên và chuyển từ lỗ sang lãi so với báo cáo năm 2022 như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.030.231.568	(22.773.550.218)	32.803.781.786

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 361 triệu đồng
- Lợi nhuận tài chính tăng 267 triệu đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 10.350 triệu đồng
- Lợi nhuận khác tăng 21.825 triệu đồng

Trong năm 2023, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thấp hơn năm 2022 là 85.335 triệu đồng do giảm doanh thu về thu hộ trả hộ cho khách hàng, lợi nhuận gộp giảm lỗ so với năm 2022 do một số chi phí giảm giá như chi phí nhiên liệu, chi phí thuê cước vận chuyển...

Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2023 là 1.228 triệu đồng, năm 2022 là 10.485 triệu đồng.



Lợi nhuận khác từ thanh lý tài sản, hợp tác kinh doanh năm 2023 là 15.134 triệu đồng, năm 2022 là -6.691 triệu đồng.

Công ty cổ phần VIMC Logistics trân trọng giải trình.

Nơi nhận *Phạm*

- Như trên,
- Lưu VT.

PHÓ TGD PHỤ TRÁCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VIMC LOGISTICS
Đ. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI
Đinh Thị Việt Hà

M.S.D.N.: 01023
CÔNG
CỔ PHẦN
VIMC LOG
Đ. ĐÔNG ĐÀ -

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VIMC Logistics (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	
Ông Trịnh Vũ Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	
Ông Trần Quang Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023

Ban Tổng giám đốc

Ông Trần Quang Toàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đinh Thị Việt Hà	Phó TGD Phụ trách	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Ông Đoàn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2023

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	
Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Số: 93/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VIMC Logistics

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VIMC Logistics (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VIMC Logistics cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 260223.002/BCTC.KT5 ngày 26/2/2023, Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



Nguyễn Thị Thu Hà
Giám đốc kiểm toán
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1



Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.717.142.407	89.114.248.203
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.649.104.395	14.506.238.174
Tiền	111		13.649.104.395	14.506.238.174
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.879.987.908	64.408.136.249
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	56.405.839.310	59.450.897.674
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	532.732.936	1.949.643.594
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.537.497.046	15.375.388.398
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.596.081.384)	(12.367.793.417)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.188.050.104	10.199.873.780
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	358.316.852	151.684.716
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.630.573.798	9.907.217.210
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	199.159.454	140.971.854
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.069.764.583	109.911.128.475
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.053.700.000	10.062.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	10.053.700.000	10.062.700.000
Tài sản cố định	220		45.708.374.648	52.260.410.870
Tài sản cố định hữu hình	221	10	45.708.374.648	52.260.410.870
- Nguyên giá	222		125.199.474.269	127.185.992.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.491.099.621)	(74.925.581.823)
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.755.743.163	35.238.482.753
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	29.755.743.163	35.238.482.753
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.119.126.772	916.714.852
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.119.126.772	916.714.852
TỔNG TÀI SẢN	270		187.786.906.990	199.025.376.678

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.982.989.919	60.251.691.175
Nợ ngắn hạn	310		38.982.989.919	60.251.691.175
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.867.361.654	26.714.746.821
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	386.917.729	666.053.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	96.882.861	21.193.799
Phải trả người lao động	314		285.347.300	1.805.300.484
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	171.640.618	604.318.777
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.171.441.510	22.571.777.988
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	-	7.149.000.694
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.398.247	719.299.612
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.803.917.071	138.773.685.503
Vốn chủ sở hữu	410	19	148.803.917.071	138.773.685.503
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
Cổ phiếu quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.693.185.321	19.693.185.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.510.568.250)	(22.540.799.818)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến năm trước	421a		(22.540.799.818)	232.750.400
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.030.231.568	(22.773.550.218)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		187.786.906.990	199.025.376.678

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách

Đinh Thị Việt Hà

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	140.556.723.462	225.892.207.453
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		140.556.723.462	225.892.207.453
Giá vốn hàng bán	11	22	142.322.572.048	228.019.289.567
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.765.848.586)	(2.127.082.114)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.196.105.826	2.674.735.451
Chi phí tài chính	22	24	148.290.791	894.230.075
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		100.849.143	811.610.511
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.386.008.795	15.736.419.231
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.104.042.346)	(16.082.995.969)
Thu nhập khác	31	26	20.865.315.312	279.500.000
Chi phí khác	32	27	5.731.041.398	6.970.054.249
Lợi nhuận khác	40		15.134.273.914	(6.690.554.249)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.030.231.568	(22.773.550.218)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.030.231.568	(22.773.550.218)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	708	(1.608)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		708	(1.608)

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách

Đinh Thị Việt Hà

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		10.030.231.568	(22.773.550.218)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.405.022.235	6.977.503.954
Các khoản dự phòng	03		1.228.287.967	10.484.891.585
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(145.255.702)	(100.014.800)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(16.320.223.170)	(2.375.800.116)
Chi phí lãi vay	06		100.849.143	811.610.511
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.298.912.041	(6.975.359.084)
(Tăng) các khoản phải thu	09		2.032.344.331	19.228.312.997
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.252.828.506)	(26.960.506.445)
(Tăng) chi phí trả trước	12		(409.044.056)	558.203.007
Tiền lãi vay đã trả	14		(130.457.921)	(806.195.256)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(58.187.600)	(428.795.241)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(715.901.365)	(397.409.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.235.163.076)	(15.781.749.022)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.333.000)	(705.138.324)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.043.528.963	279.500.000
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.918.680.049	2.096.300.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.955.876.012	1.670.661.792
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		3.526.501.285	22.614.610.508
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.675.501.979)	(30.012.670.680)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(431.010.000)	(1.803.956.950)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.580.010.694)	(9.202.017.122)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(859.297.758)	(23.313.104.352)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	14.506.238.174	37.814.847.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.163.979	4.495.365
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	13.649.104.395	14.506.238.174

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách

Đinh Thị Việt Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần VIMC Logistics là đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã thông qua việc đổi tên và logo Công ty thành Công ty Cổ phần VIMC Logistics. Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0102345275 cấp lần đầu ngày 10/08/2007 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 14 ngày 07/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 405, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty là 142.121.300.000 đồng, tương đương 14.212.130 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 98 người (tại ngày 31/12/2022 là 120 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Dịch vụ, thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ kê khai hải quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ Logistics; Vận tải đa phương thức;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Hải Phòng	Phòng 801, tầng 8 Tòa nhà Akashi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Quảng Ninh	Số 1 đường Cái Lân, Khu kho bãi Vosa, Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh	P.403, 89A Lý Phục Man, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Lào Cai	Lô F9 - F10 Cụm Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Phố Mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh	Số 02, Hữu Nghị, Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do được thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND, theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.4 TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm được trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.6 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng/ số dư giảm dần, khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25 năm
Máy móc thiết bị khác	03-20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không có đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

3.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên BCTC căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.11 VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí chiết khấu,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.15 DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hoa hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động trong đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

3.19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

3.20 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistics tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	152.599.697	211.010.451
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.496.504.698	14.295.227.723
Cộng	13.649.104.395	14.506.238.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	11.432.820.000	-	11.432.820.000	-
+ Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	6.032.820.000	- (*)	6.032.820.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	5.400.000.000	- (*)	5.400.000.000	- (*)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
+ Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	1.000.000.000	(1.000.000.000) (*)	1.000.000.000	(1.000.000.000) (*)
Cộng	12.432.820.000	(1.000.000.000)	12.432.820.000	(1.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Hiện tại Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, công ty nhận đầu tư khác tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Hà Nội	22,12%	22,12%	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Hà Nội	36,00%	36,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Đầu tư vào đơn vị khác Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	Hải Phòng	5,00%	5,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.145.608.179	-	2.129.643.065	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	359.100.000	-	1.134.000.000	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	772.252.179	-	995.643.065	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	14.256.000	-	-	-
Bên khác	55.260.231.131	(13.596.081.384)	57.321.254.609	(12.367.793.417)
- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Kỹ thuật Ngân Hà	4.257.548.325	-	4.208.576.457	-
- Ping Xiang Ming Di Mao Yi You Xian Gong Si	-	-	2.020.292.518	-
- Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	19.726.636.390	-	15.666.452.727	-
- Ka Chun Logistics and Trading Limited	-	-	2.119.196.900	-
- Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai	864.862.240	-	990.973.440	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	30.411.184.176	(13.596.081.384)	32.315.762.567	(12.367.793.417)
Cộng	56.405.839.310	(13.596.081.384)	59.450.897.674	(12.367.793.417)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngân hạn	532.732.936	-	1.949.643.594	-
- Công ty TNHH Wanhai Việt Nam	-	-	692.078.800	-
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	272.657.201	-	639.525.588	-
- Công ty TNHH Maersk Việt Nam	68.747.369	-	-	-
- Công ty TNHH New SITC Container Lines Việt Nam	72.820.000	-	72.820.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	118.508.366	-	545.219.206	-
Cộng	532.732.936	-	1.949.643.594	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.537.497.046	-	15.375.388.398	-
- Phải thu về tiền tạm ứng	2.387.689.765	-	2.786.525.562	-
- Ký cược, ký quỹ	569.170.420	-	946.170.420	-
- Phải thu khác	17.580.636.861	-	11.642.692.416	-
+ Phải thu về Doanh thu chưa xuất hóa đơn	182.901.583	-	1.352.203.526	-
+ Phải thu về lãi tiền gửi	381.666.667	-	292.611.111	-
+ Các khoản chi hộ làm hàng	6.689.279.724	-	9.535.359.194	-
+ Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát	10.000.000.000	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	2.662.302	-	138.392.000	-
Dài hạn	10.053.700.000	-	10.062.700.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	10.053.700.000	-	10.062.700.000	-
Cộng	30.591.197.046	-	25.438.088.398	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
	324.126.585	-	324.126.585	-

(*) Trong đó bao gồm khoản ký quỹ theo quy định của thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, hàng hóa với giá trị là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
- Công ty TNHH Nhựa Việt Lào	14.437.065.936	840.984.552	15.351.144.343	2.983.350.926
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí	1.588.520.832	-	1.588.520.832	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Bảo Minh	263.740.000	-	263.740.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Đăng Nguyễn	215.000.000	-	215.000.000	-
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	39.700.000	-	39.700.000	-
- KH Tuấn Huyền	2.151.321.106	-	2.201.321.106	-
- Công ty Cổ phần sửa chữa tàu biển Nosco	225.436.100	-	225.436.100	-
- Công ty Cổ phần Tử Đĩnh	245.805.831	-	245.805.831	-
- Công ty Cổ phần Nhà máy điện mặt trời Văn Giáo	-	-	185.520.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Trung Vũ	250.000.000	-	2.945.880.000	883.764.000
- Jo Bounmy Group Co.LTD	39.681.000	-	39.681.000	-
- Công ty TNHH Logistics Vinasea Global	4.920.069.960	840.984.552	4.927.141.560	2.077.206.926
- Các khoản phải thu khác	2.563.709.507	-	-	-
	1.934.081.600	-	2.473.397.914	22.380.000
Tổng	14.437.065.936	840.984.552	15.351.144.343	2.983.350.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	59.823.613.764	32.261.592.520	33.692.663.506	1.408.122.903	127.185.992.693
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.986.518.424)	-	-	(1.986.518.424)
31/12/2023	59.823.613.764	30.275.074.096	33.692.663.506	1.408.122.903	125.199.474.269
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(24.508.078.692)	(19.779.076.680)	(29.230.303.548)	(1.408.122.903)	(74.925.581.823)
- Khấu hao trong năm	(2.654.879.580)	(1.528.281.867)	(2.221.860.788)	-	(6.405.022.235)
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.839.504.437	-	-	1.839.504.437
31/12/2023	(27.162.958.272)	(19.467.854.110)	(31.452.164.336)	(1.408.122.903)	(79.491.099.621)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	35.315.535.072	12.482.515.840	4.462.359.958	-	52.260.410.870
31/12/2023	32.660.655.492	10.807.219.986	2.240.499.170	-	45.708.374.648

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 19.405.099.487 VND (tại ngày 01/01/2023 là 18.593.841.215).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	358.316.852	151.684.716
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	202.418.355	35.709.018
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.898.497	115.975.698
Dài hạn	1.119.126.772	916.714.852
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.119.126.772	916.714.852
Cộng	1.477.443.624	1.068.399.568

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	29.755.743.163	35.238.482.753
- Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân (1)	28.514.231.129	34.003.303.719
- Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai (2)	1.241.512.034	1.235.179.034
Cộng	29.755.743.163	35.238.482.753

(1) Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân: Đây là chi phí đầu tư vào dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân được thực hiện theo văn bản số 4588/UBND-QH1 ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân và văn bản số 4373/UBND-QH1 ngày 09/11/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý giao cho Công ty Cổ phần Vinalines Logistics (nay đổi tên là Công ty cổ phần VIMC Logistics) làm chủ đầu tư. Ngày 06/05/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam có văn bản số 1200/HHVN-TC&QLVG về việc cho phép Công ty Cổ phần Vinalines Logistics tìm kiếm đối tác để thương thảo hợp tác kinh doanh nhằm thu hồi chi phí đã đầu tư cũng như tạo một phần quỹ đất xây dựng kho bãi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật.

Theo biên bản làm việc ngày 10/10/2022 giữa Công ty CP VIMC Logistics (VLG) và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh (NHOQN). Hai bên thống nhất dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/VNLL-NHOQN ký ngày 10/01/2018. NHOQN không có bất cứ khiếu kiện hay đòi bồi thường nào đối với VLG về việc dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Theo Biên bản làm việc ngày 26/10/2021 giữa Công ty CP VIMC Logistics (VLG) và Công ty TNHH Happy land Việt Nhật (HPL). HPL không có bất cứ khiếu kiện hay đòi bồi thường nào đối với VLG về việc dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2018/VNLL-HPL ngày 07/8/2018 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/2018/VNLL-HPL ngày 15/11/2018 (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 17- Phải trả khác).

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-VLG ngày 12/12/2022 của HĐQT Công ty về việc thống nhất hoàn trả số tiền mà Công ty TNHH Nhà quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật đã tạm ứng theo các hợp đồng đã nêu ở trên Công ty đã thực hiện hoàn trả số tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Nhà quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật đối với các hợp đồng dừng thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP)

- (2) Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai: Đây là chi phí đầu tư vào dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai được thực hiện theo quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai. Dự án đã hoàn thành giai đoạn I, giai đoạn II và đưa vào khai thác sử dụng. Đối với giai đoạn III và giai đoạn IV, Công ty đã tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể dự án, bố trí lại các hạng mục dự án theo Quyết định số 3292/UBND-KT ngày 22/07/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh dự án Cảng nội địa ICD Lào Cai tại Khu công nghiệp Đông Phố Mới và đã nhận được quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 253/QĐ-BQL ngày 22/11/2021 của BQL Khu kinh tế tỉnh Lào Cai. Chi phí dự án bao gồm chi phí lập báo cáo dự án đầu tư và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích chuẩn bị thực hiện giai đoạn III và giai đoạn IV.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	5.375.191.697	5.375.191.697	8.558.594.012	8.558.594.012
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP	277.034.100	277.034.100	826.386.655	826.386.655
- Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	4.433.253.837	4.433.253.837	6.808.520.914	6.808.520.914
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP tại TP HCM	-	-	160.429.090	160.429.090
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	-	-	763.257.353	763.257.353
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	32.400.000	32.400.000	-	-
- Công ty cổ phần Phát triển Hàng Hải	632.503.760	632.503.760	-	-
Bên khác	22.492.169.957	22.492.169.957	18.156.152.809	18.156.152.799
- Công ty TNHH Thăng Lợi	1.296.015.322	1.296.015.322	1.844.815.081	1.844.815.081
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Dịch vụ Vận tải Hàn Trang	1.863.662.800	1.863.662.800	3.495.085.200	3.495.085.200
- Công ty Cổ phần T&C	4.487.587.800	4.487.587.800	1.599.795.200	1.599.795.200
- Phải trả người bán là đối tượng khác	14.844.904.035	14.844.904.035	11.216.457.328	11.216.457.318
Cộng	27.867.361.654	27.867.361.654	26.714.746.821	26.714.746.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	12.759.649	64.425.557	74.760.206	2.425.000
- Thuế thu nhập cá nhân	8.434.150	199.387.499	201.692.463	6.129.186
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	388.646.170	300.317.495	88.328.675
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
	21.193.799	652.459.226	576.770.164	96.882.861
	01/01/2023	Số đã cân trừ trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	33.159.454	-	-	33.159.454
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.812.400	-	58.187.600	166.000.000
	140.971.854	-	58.187.600	199.159.454

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICSSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	386.917.729	666.053.000
- Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật	-	202.053.000
- Công ty TNHH Emsen	-	415.000.000
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Hải Hà Việt Nam	129.282.298	-
- Công ty Cổ phần giải pháp thiết bị công nghệ Tân Phát 686	167.083.431	-
- Người mua trả tiền trước là đối tượng khác	90.552.000	49.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	386.917.729	666.053.000

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Chi phí lãi vay	-	29.608.778
- Chi phí phải trả cước vận chuyển	171.640.618	574.709.999
Cộng	171.640.618	604.318.777

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	10.171.441.510	22.571.777.988
- Kinh phí công đoàn	-	60.637.519
- Bảo hiểm xã hội	-	380.428.417
- Nhận ký quỹ, ký cược	435.000.000	175.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát	-	5.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.736.441.510	16.955.712.052
+ Phải trả cổ tức	6.197.992.462	6.629.002.462
+ Phải trả, phải nộp khác	336.396.048	326.709.590
+ Công ty TNHH Happyland Việt Nhật (*)	202.053.000	7.000.000.000
+ Công ty TNHH Tổ chức nhà quốc gia Quảng Ninh (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	10.171.441.510	22.571.777.988

(*) Khoản phải trả Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật và Công ty TNHH Tổ chức Nhà Quốc gia Quảng Ninh ứng trước theo hợp đồng hợp tác đầu tư liên quan đến dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân. Tuy nhiên, hợp đồng hợp tác đầu tư này đã dừng thực hiện và Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền ứng trước này cho Happy Land Việt Nhật và Công ty TNHH Tổ chức Nhà Quốc gia Quảng Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICSSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	VND		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
					VND	VND	
01/01/2022	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321		6.633.273.707	167.947.759.028	
- Lỗ trong năm 2022	-	-	-		(22.773.550.218)	(22.773.550.218)	
- Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-		(6.400.523.307)	(6.400.523.307)	
+ Chia cổ tức	-	-	-		(4.248.639.000)	(4.248.639.000)	
+ Trích lập các quỹ	-	-	-		(2.151.884.307)	(2.151.884.307)	
31/12/2022	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321		(22.540.799.818)	138.773.685.503	
01/01/2023	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321		(22.540.799.818)	138.773.685.503	
- Lãi trong năm 2023	-	-	-		10.030.231.568	10.030.231.568	
31/12/2023	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321		(12.510.568.250)	148.803.917.071	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICSSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023 VND	Tỷ lệ %	01/01/2023 VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam- Công ty Cổ phần	80.616.200.000	56,72%	80.616.200.000	56,72%
- Các cổ đông khác	61.505.100.000	43,28%	61.505.100.000	43,28%
Cộng	142.121.300.000	100%	142.121.300.000	100%

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	142.121.300.000	142.121.300.000
+ Vốn góp cuối năm	142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.248.639.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.212.130	14.162.130
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.212.130	14.212.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.212.130	14.212.130
Số lượng cổ phiếu được mua lại	50.000	50.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000	50.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.162.130	14.162.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.162.130	14.162.130
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.693.185.321	19.693.185.321
	19.693.185.321	19.693.185.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Tài sản thuê hoạt động		
Từ 1 năm trở xuống	5.317.553.404	5.029.284.727
Từ 1 năm đến 5 năm	-	138.537.727
b) Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	1.732,93	782,56

Cam kết thuê hoạt động:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với Nhà nước để sử dụng cho mục đích xây dựng dự án. Diện tích khu đất này là 47.962 m², thời gian thuê từ 01/04/2008 đến 31/07/2055. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm. Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian 12 năm 3 tháng (từ ngày 01/04/2008 đến ngày 01/07/2020) theo Quyết định số 1073/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Lào Cai và được miễn tiền thuê đất trong thời gian 01 năm 9 tháng (từ tháng 10/2020 đến hết tháng 06/2022) theo Quyết định số 234/QĐ-BQL của UBND Tỉnh Lào Cai.

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	140.556.723.462	225.892.207.453
Cộng	140.556.723.462	225.892.207.453

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.1)

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	142.322.572.048	228.019.289.567
Cộng	142.322.572.048	228.019.289.567

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.1)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	556.920.565	482.132.448
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.450.815.040	1.614.167.668
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	43.114.519	478.420.535
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	145.255.702	100.014.800
Cộng	2.196.105.826	2.674.735.451

Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	100.849.179	811.610.511
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	47.441.612	82.619.564
Cộng	148.290.791	894.230.075

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	5.386.008.795	15.736.419.231
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.314.573	101.555.934
- Chi phí nhân công	2.571.300.408	3.575.117.398
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	147.796.736	152.038.804
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.381.800	56.677.278
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
- Chi phí dự phòng	1.228.287.967	10.484.891.585
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.532.100	474.092.480
- Chi phí bằng tiền khác	701.395.211	885.045.752
Cộng	5.386.008.795	15.736.419.231

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	954.440.558	-
- Bồi thường chấm dứt hợp đồng trước hạn	821.786.349	-
- Khoản tiền hỗ trợ của Việt Phát tại dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân	15.000.000.000	-
- Tiền bồi thường Giải phóng mặt bằng nhà QG Quảng Ninh thanh toán cho công ty	4.089.088.405	-
- Thu từ bồi thường xe do tai nạn	-	279.500.000
Cộng	20.865.315.312	279.500.000

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Hoàn trả tiền hủy hợp tác	5.731.041.398	6.970.054.249
Cộng	5.731.041.398	6.970.054.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	272.366.544	133.336.686
- Chi phí nhân công	13.344.362.632	16.313.593.302
- Khấu hao tài sản cố định	6.405.022.235	6.977.503.954
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.980.925.522	207.730.454.570
- Chi phí bằng tiền khác	3.698.903.910	12.593.820.286
	147.708.580.843	243.755.708.798

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.030.231.568	(22.773.550.218)
Các khoản điều chỉnh tăng	335.787.525	10.683.866.883
- Chi phí không được trừ	245.499.731	10.683.866.883
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ trước	90.287.794	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.166.424.775)	(1.704.455.462)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.450.815.040)	(1.614.167.668)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ trước	(151.037.421)	(90.287.794)
- Hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu	(2.564.572.314)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.199.594.318	(13.794.138.797)
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	(6.199.594.318)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Số lỗ lũy kế còn được chuyển sang năm sau	(7.594.544.479)	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.030.231.568	(22.773.550.218)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	14.162.130	14.162.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	708	(1.608)

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển VIMC	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển Container VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tổng Công ty
Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam- Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas)	Cùng Tổng Công ty
Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas) -Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICSSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****32.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)	-	7.986.364
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	4.113.629.020	4.132.258.065
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	7.645.040.822	13.729.067.836
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	13.200.000	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa		
Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	41.565.319	-
Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	7.230.828.947	12.320.926.269
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	641.329.116	1.660.518.496
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải (Vitamas)	273.251.057	-
Công ty Vận tải biển Container VIMC - Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	136.620.000
Công ty Dịch vụ Hàng Hải Phương Đông (Orimas)	103.254.669	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	629.542.509	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	156.000.000	-
Công ty Cổ phần đại lý tàu biển và Logistics (VOSCO)	46.712.963	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	169.725.788	71.466.504
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	58.220.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	5.700.000	-
Công ty CP Cảng Sài Gòn	129.085.000	-
Công ty Vận tải biển VIMC	-	3.230.062.858
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	1.450.815.040	1.614.167.688



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Thù lao của Hội đồng Quản trị

	Chức vụ		Năm 2023	Năm 2022
Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch HĐQT		373.565.455	368.130.760
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT		48.000.000	48.000.000
Ông Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT		14.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên HĐQT		48.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ 14/04/2023	34.000.000	-
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ 14/04/2023	34.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, người quản lý khác

	Chức vụ		Năm 2023	Năm 2022
Ông Trần Quang Toàn	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ 15/04/2023	113.823.386	194.930.910
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc		205.446.242	202.508.163
Bà Đinh Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc		303.162.518	192.082.805
Ông Đoàn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc		123.770.489	-
Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng		246.722.253	238.058.910

Thù lao của Ban Kiểm soát

	Chức vụ		Năm 2023	Năm 2022
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	Miễn nhiệm từ 14/04/2023	14.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Trưởng BKS	Bổ nhiệm từ 14/04/2023	34.000.000	-
Bà Dương Thu Hiền	Ủy viên BKS		36.000.000	36.000.000
Bà Đỗ Lan Hương	Ủy viên BKS		36.000.000	24.000.000

32.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

23452
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LOGISTICS
ĐA - TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

32.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần VIMC Logistics đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách

Đinh Thị Việt Hà